

RESERVE

PHẬT - HỌC TỪNG - THƯ - 1

往生錄

DEPOT LEGAL
INDOCHINE

Nº 24989

CỤC-LẠC

QUÊ-NHÀ

Trưởng Thiền học Trung Ương
Bắc - Kỳ Phật - Giáo xuất - bản



Phát hành tại :

Chùa Quán Sứ Hội Quán

Hội Phật - Giáo Bắc - Kỳ

73, Rue Richand - Hanoi

Tây Lịch

1939

THƯ-VIÊN
TRUNG-ƯƠNG

M

12599

In lần thứ nhất

Giá 0\$10

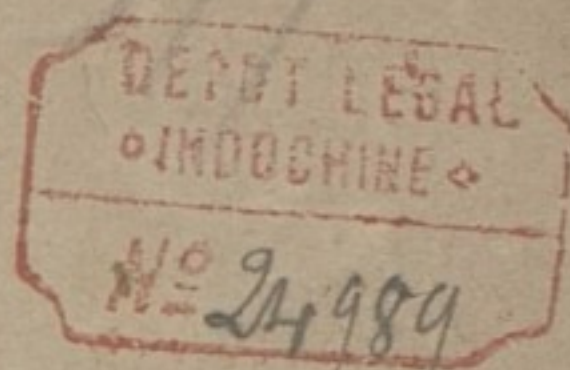
MỤC LỤC

Số bài	Số trang
I Nhời nói đầu	1
II Mười điều ngở	6
III Chuyện các vị tu đã vãng sinh	13
Tổ Tuệ-Viễn	13
Tổ Thần Loan	16
Thiện đạo Hòa thượng	17
Tổ Đài Nham pháp sư	19
Tổ Từ Vân sám chủ	21
IV Các vua quan niệm Phật sinh sang Cực lạc	22
Vua nước Ô Trản	22
Tổng Thế Tử	24
Ông Lưu Di Dân	25
Ông Phòng Chử	26
Bách Cư Di Thái tử thiếu pho	27
Tô Đông pha Hàn lâm	27
Thừa tướng Trương thương Anh	30
Vương nhật Hữu cư sĩ	32
V Phụ nữ niệm Phật cầu sinh sang Cực lạc	32
Hoàng hậu Vi đề Hi	32
Tùy Hoàng hậu	33
Bà Hải Hiền	34
Bà vợ ông Ôn tỉnh Văn	34
Kinh vương Phu nhân	35
Quán âm Huyện quân	36
Phùng thị Phu nhân	37

1112/99

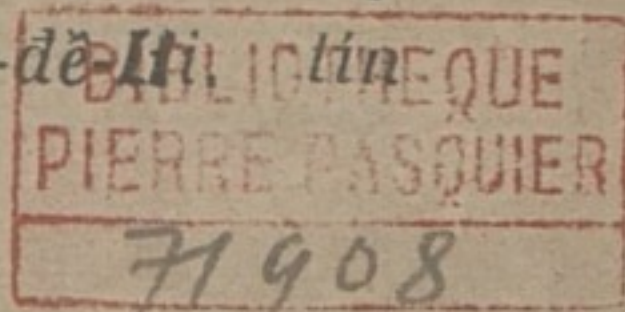
CỰC LẠC QUÊ NHÀ

NHỜ MỞ ĐẦU



Đại ước đọc đến kinh sách của Phật tổ Thánh hiền cần phải đủ cả lý tưởng và thực nghiệm ; có lý tưởng thời tâm thần mới đem lại được phần đạo lý, tinh hoa. Có thực nghiệm mới biết rõ được những phần tính chất, sự vật cổ kim thế đã là cực công trí tri cách vật học. Tiến lên một bậc nữa, là sẽ đem cả lý-tưởng cùng thực nghiệm ra mà khám phá hết những cơ quan bí tàng của tạo vật chứa chất hết cả những cái tinh hoa của vạn năng, vạn hóa lại, mà làm mực thước khuôn mẫu của mình, để đúc chuốt cho vạn vật đều được có nơi có sở, đẩy lại là cực công cách vật học, mà cũng lại là cực công chứng đạo thành chân nữa.

Nguyên bản truyện « Vãng sinh » này chính tay bút Liên trì Tổ sư về đời nhà Minh « Tàu » làm ra. Liên-trì Tổ-sư là bậc thông minh, suốt đạo lão nghĩa, lâu thần ; mà đến chỗ dụng tâm làm việc, thì hàng ngày cứ ngoài sự giảng đạo dạy người, là chỉ mãi miết về sự tụng kinh niệm Phật cầu sinh cực lạc. Đoạn rồi lại biên chép các sách vở để dạy về môn niệm Phật. Tổ sư thực là một vị bi trí hoàn toàn, nên mới ban ơn (1) cho chúng ta biết một môn đạo học tự độ độ nhân, là một bản sự tích siêu phàm nhập thánh vì muốn cho người mới theo đạo hễ cầm đến học đến là hiểu ngấm ngay, bản truyện này nói về sự tích chư vị cao tăng và chư vị thiện nhân niệm Phật Di-đà được sinh Cực-lạc, nên mới dịch là truyện « Cực-lạc Quê nhà » vì bản chữ Nho vừa dài và nhiều truyện giống nhau, nên còn đến hai phần nữa chưa dịch, lại có mấy truyện Tổ-sư chép khí lược, nên tôi có mạn phép trích thêm ở các kinh lục khác mà dịch phụ thêm vào. Đại khái như truyện Thừa tướng Trương-thương Anh, Tiến-sĩ Tô-đông-Pha và Hoàng-Hậu Vi-đề-ti, nữ Hải-Hiền vân vân.



Trước khi đọc bản truyện này, xin hãy để tâm bình tĩnh rồi sẽ đem cái cảnh tượng vườn hoa ra mà thực nghiệm, thì cuộc thủy chung của đời ta đã hiểu được hết cả rồi. Kia những cành lá, bông hoa, đương lúc nồng nàn hồng tía đua chen, mà tự trong bông nó đã tiềm tàng sẵn cái âm cơ để dần dần thu rút cả những sắc hương màu mỡ kia, sẽ làm cho cái cảnh vạn tử thiên hồng tự phải phai, phải nhạt đi tức nào không biết, ngay lúc ấy người yêu hoa kia dù có thể lực vạn năng, có tiền tài trăm mớ cũng không thể chống cự và mua chnộc được với trận mưa vùi gió giạt kia nữa. Ôi ! cái luật sinh tử nó đối với tấm hình hài của chúng ta này cũng không khác cảnh tượng vườn hoa kia một tý nào cả ! Có khác là : ta có công phu tu tĩnh tròn được đạo Hiếu, Trinh, Tiết Nghĩa may mà đắc thời đắc vị, thì tiền lấy sự nghiệp mà giúp ích cho gia đình xã-hội, hoặc dúi mà tự lý tự nhược, thì thoái mà nuôi lấy tiết nghĩa, để khích lệ cho nhân loại về sau. Nhưng thế cũng chưa tắt hẳn được nghiệp luân hồi, nếu ai không tin thì trong truyện này đã có dịp mô cảnh tỉnh của Tiễn-sĩ Vương-nhật Hưu còn đương trấn động, nếu đã tin thực thì nên mau mau tiến lên một bậc nữa mà tu đạo xuất thế gian. Bắt đầu phát tâm học đạo, hạ thủ tu hành, cần phải tin tội phúc, minh nhân quả, trừ bỏ gian tham, ngăn cấm giận dữ, đề phòng lỗi trái thương sót nhân vật, giữ trọn từ bi, quý chuộng thanh khiết, vứt bỏ xa hoa, dù ở vào địa vị bần hàn ti hạ mà đạo đức tinh thần lúc nào cũng vẫn tinh tiến tự cường, lại còn phải cố gắng trì trai niệm Phật cho nhất mực tinh cần. Những việc tu đạo nặng nề như vậy, lúc bắt đầu khởi hành, ai là người khởi phải miễn cưỡng mà theo, nhưng cần phải có miễn cưỡng lực hành dần dần, rồi mới tiến lên được cái địa vị tự nhiên an hành, là khác được lên đến cảnh giới trí thiện. Bất luận là Nam, Nữ sang, hèn, hễ ai đầy đủ được công án như vậy, là

đều có ích lợi cho cuộc tiến hóa của gia-đình xã-hội cả, mà cái thân hình hài của ta này, dù còn dù thác đi nữa, mà tấm chân thân tinh thần, vẫn làm cây phước linh giác cho hồn đạo đức của non sông, muôn đời ỉc kiếp nương tựa. Ai nghe đến tên, ai đọc đến truyện, mà tâm hồn không phải cổ vũ về sự bái kính phục và tinh tiến làm theo, ngai uào muốn khỏi nỗi phụ kiếp phù sinh, mà được chóng về tròn công quả như vậy, thì không gì chóng hơn tu về Pháp-môn Tịnh độ này. Pháp-môn này không có gì là khó cả, chỉ cần nhất là bỏ cái tâm bán tín bán nghi đi rồi sẽ tử công phu với chữ « Tín » chữ « Hánh » chữ « Nguyên » cho ân cần thống cảm rồi ngày đêm chỉ một niệm Di-đà, năm tháng cũng chỉ một niệm Di-đà, sẽ phá hết nghiệp kiếp trước cùng kiếp này, bấy giờ tâm ta cảm cũng như đầm nước trong, mà tâm Phật Di-đà ứng cũng như bóng giăng soi đến thực chẳng thua gì Tổ Thiệu-đạo niệm Phật ra hào quang ở miệng, chẳng kém gì bà Vi-đề-Hi niệm Phật mà thấy cảnh giới Cực-lạc dù chưa được thể nghiệm trong lúc đêm khuya cũng sẽ thấy cảnh tay kim sắc soa trên đầu, đạo hào quang Bạch sắc chiếu đến trước mặt, hoặc có khi Phật Di-đà dốc bầu cam lộ mà tắm cho, hay chẳng áo Cà-sa mà mặc cho, có thực như vậy, chứ không phải là tôi dám đem miệng sáo 2) mà dụ dỗ đâu, ngai nào cổ trí tu Tịnh độ, thì phải cầu nguyện cho kỳ được như thế, nếu không thì chưa khỏi hồ nghi, phàm người tu đạo niệm Phật, mà chưa có công phu thực tu, thực chứng tất là phải hồ nghi mà cái tâm hồ nghi là cái lưới nghiệp nặng để ngăn trở con đường tu trai : niệm Phật, vì thế nên khi Phật còn ở đời, bắt đầu vào thuyết pháp là Phật phải phóng hào quang, hiện chân tướng, nào là Long-thiên vây nhiễu nào là quỷ thần hát múa, cho đến giờ mưa hoa đất nổi tiếng, như vậy là bản ý của Phật dùng thần thông để hiển dương diệu đạo, cho Pháp hội chúng sinh, mắt thấy rõ ràng, tai nghe đích xác, mà

phá hết cái tâm dùng dằng nghi hoặc đi mới sẽ chịu phụng lĩnh nhời chân ngôn của Phật, và nhận rõ được tâm pháp của Phật. Do có thần cơ phương tiện của Phật như vậy, nên mỗi khi thuyết pháp song, hàng trăm vạn Đồ-chúng, cả xuất-gia và tại-gia cũng đều theo thiện căn, tuệ tính mà chứng được đạo quả cả.

Nay tuy Phật đã quá khứ rồi mà tướng lưỡi rộng dài của Phật thuyết pháp về môn niệm Phật hãy còn sang sáng hiện tại đây, trong kinh Di Đà Phật nói : « Dù thiện nam tử, dù thiện nữ nhân, hễ mà chuyên tâm niệm Phật Di Đà cầu sinh Cực-lạc, từ một ngày đến bảy ngày, mà tâm không loạn niệm không sai, tới khi mệnh thác, tự khắc có đức Di Đà cùng hàng Thánh chúng hiện đến tiếp dẫn về tây phương (Cực-lạc)

Dám mong quý vị sẽ ngẫm những nhời kim khẩu của Phật thương sót ta, dạy dỗ ta ta cũng nên đau sót lấy thân ta, cảnh tỉnh lấy tâm hồn ta, nay còn đương lúc ta chưa già nua chưa đau yếu, đêm ngày ta dốc thiết lấy câu niệm Phật để cứu độ cho ta, cũng dốc thiết như là cứu hỏa dốt dầu, cũng như con lạc mẹ mà mong gặp vậy, ta chỉ giữ chắc một câu niệm Phật làm thanh Bảo-kiếm phá địa ngục, chỉ một câu niệm Phật là đức Đại đạo sư cùng chư Thánh chư Thiên đem sẵn tràng phan, bảo cái và Thiên nhạc, thiên hương đón ta về vãn quả Bồ-đề, xem hoa Bát-nhã, lên lầu Thất-bảo, ngồi đài Cửu-liên, uống nước Thanh-lương, ăn cơm Thuyền duyệt mặc áo Từ bi, cưỡi xe Diệu-giác. Bảy giờ trông xuống sẽ thấy muôn loài cùng ta là một thể, mười phương cùng ta là đồng bào, đâu là chẳng có mắt trí tuệ của ta soi sét đến, đâu là chẳng có lòng từ bi của ta cứu độ đến, lại sẽ thấy những hạng vô duyên, bất tin kia, vẫn âu sầu khúm núm ở chốn trần ai ô uế thực không khác gì cá chậu, chim lồng, mà mình tựa như rồng bay phượng múa ở thế giới hà sa thọ lạc. Xem thế thì đủ tin rằng : Chấn hưng cho Phật-pháp xương long truyền bá cho tín đồ lợi ích cả cuộc sống

và cuộc chết. không gì thiết thực hơn nhao hơn công đức dịch kinh, in kinh để truyền bá cho đời hiện tại, và tương lai vậy, nên hội Phật giáo Bắc kỳ mấy năm nay cứ phải mãi miết về sự truyền bá giáo lý hiện đã có mấy chục bộ kinh sách bằng chữ quốc âm ra đời.

Tôi đầu xuân (1939) được phụng mệnh dịch bản truyện này cùng bản kinh Hiếu tử và kinh Thất hiền Nữ, cũng tự mình rõ là có chút thiện duyên nên mới được gặp gỡ thời cơ mà dự vào cuối ban hoằng dương pháp bảo, nhưng cũng lại vẫn bùi ngùi bên lên, là tài hồ Đống-lương, văn thua Đài các (3) thể tài nhạt nhẽo, đã không đủ dung hồi chuông đề tôn, sớng giáo cùng thập phương, lại từ khi khô khan dám mua cười cùng Thuyền lâm Thích hải trên vạn đại, tôi vẫn biết bốn phần khổ như thế, mà cũng không thể nào nhứt nhời (4) được!

Vậy xin thành tâm sám hối về tội lười biếng học tập, lại xin cầu nguyện đức Đại-giác Tri-tôn cùng Liệt-vị Tổ sư, Liệt-vị Tiên-hiền trong bản chuyện này, hằng ngày thường hiện chân thân hằng phóng tuệ nhơn, mà quyền cố để bạt cho Thập phương hữu duyên ai có công trì trai niệm Phật đều chóng được đầy đủ nhân duyên Tín, Hành, Nguyện, cho sau này đều được giải thoát siêu thăng, để cùng hưởng hà sa phúc quả bên cõi Tây-phương cực lạc.

Dưới đây xin giải đáp về mười điều của mọi người ngờ mà hỏi.

(1) Ban ơn — Đức Lão tử nói với đức Khổng-tử rằng : Người giàu thì lấy của mà làm ơn cho người. Người nhân thì lấy nhời mà ban ân cho người.

(2) Miệng sáo : — Kinh thi nói : nhời nói khéo léo ngọt ngào như tiếng sáo lọt tai.

(3) Tài hồ Đống lương, văn thua đài các : — Ông Âu dương nói, điệu văn sơn lâm thì từ khí khô khan. Điệu văn đài các thì từ khí bóng bẩy.

(4) Nhứt nhời : — Đức Lão-tử nói : Ông quân-tử tuy thịnh đức mà lời nói nhặng hình như nhứt.

MƯỜI ĐIỀU NGỜ

1. Hỏi : người chết thì hồn tiêu phách tán, còn cái gì nữa mà phải chịu quân quỷ sứ ở các địa ngục hành tội đau khổ ?

Đáp : Những câu lu mờ ấy, chính là tại ông Chu-tử hòng muốn cho nhà Nho khảo đọc sách Phật, nên phải kiếm những câu ấy mà rào đường, không cho ai vào bề giác vậy. Nói rõ về thuyết hồn phách thì trong cuốn Phật giáo Cương mục đã có rồi, Lại xin đem một câu chuyện hồn phách ở người ta thường ra vào phóng khoáng mà chất-tín cùng quý độc giả : Ta ngấm ngay trong cuộc chiêm bao, có khi đi đến thiên sơn vạn thủy, buồn bán được lời lãi thì cũng vui mừng, khi chẳng may mà lỗ vốn thì cũng tẽ, lại có thì chiêm bao bị kẻ khác đánh đập cũng đau đớn kêu khóc, thử hỏi lại cái thân thịt nằm ngay ở giường rồi, còn cái thân nào đi đấy, và vui buồn kêu khóc đấy nữa ? ! Chắc ai cũng phải nhận là linh hồn làm việc trong giấc chiêm bao như vậy, ấy cái linh hồn nó có năng lực rất mạnh mẽ, ai tu lập tính hạnh Phật thì sẽ thành Phật, ai say mê thói nết ma quỷ, thì sau này nó sẽ phải đầy đọa xuống làm ma quỷ, những sự vui sướng đau khổ của linh hồn về sau không khác gì trong giấc mộng, có khác là giấc mộng chỉ một phút mà ở địa ngục vô hạn kiếp, chứ còn cái thân hình hài này, khi chết là tan không, vua Vũ nhà Hạ nói : « sống gửi thác về » cũng là nói cái linh hồn nó về vậy.

2.) Hỏi : Tâm là cực lạc tính là Di đà rồi, sao còn phải niệm Phật Di đà cầu sinh cực lạc nào nữa ?

Đáp : Nếu phải là bậc đại căn, đại trí mà tu Thuyền định đã có thể tự mình là Phật ở hiện tại này, thì nói thể rất là đúng và rất là cao diệu ; còn chưa phải là Phật ở hiện tại này mà nói vậy, là nhặt những câu sẵn sẵn trên mặt tờ giấy để làm khẩu đầu Thuyền đó thôi. Ách Phật là Bồ tát, mà kinh Đại Di-đà cũng nói : « Mười phương Bồ-tát hết đều niệm Phật » há bằng các ngài không

có « tâm cực-lạc, tính Di-đà » hay sao ? Chúng sinh nào cũng có Phật tính, nhưng phải có công phu tu trì tụng niệm mới thành Phật được. Thí dụ như : Hư không vẫn có điện khí, nhưng phải có đủ máy móc chế điện, thì mới thành lửa điện được.

3.) Hỏi : Chính Phật Thích-ca nói : Nữ nhân còn có chương nặng không được thành Phật, sao còn khuyên Nữ nhân niệm Phật ?

Đáp ; Phật giảng đạo dạy đời, đều lựa tính chất mà dạy, cũng như thầy thuốc, phải hiểu chứng bệnh mới cắt được thuốc. Khi Phật nói : Nữ-nhân không được thành Phật, là để chấn áp cái tính nết này ; là phóng khoáng, xa hoa, lạt dỏ đi, rồi sẽ lại tiến lên cho được dự ngôi thành Phật, nên đến kinh Di-đà lại chính Phật Thích-ca nói : Nữ-nhân cũng được sinh cực-lạc, mà đến các kinh sách bản về pháp môn niệm Phật, thì hàng nữ lưu chứng đạo thành Phật rất nhiều.

4.) Hỏi : Người có tội mới phải niệm Phật cầu độ về cực lạc, còn người không có tội, khi thác không về cực lạc thì đi đâu ?

Đáp : Nếu muốn biết mình có tội hay không có tội thì nên đọc kinh Địa-tạng và kinh Thủy-sám. Đại phạm người ở đời, chưa phải là bậc đại thánh thì ai dám nói là không có tội lỗi. Người có tội lớn mà nhờ Phật lực tiếp dẫn thì vẫn được giải thoát, cũng như hòn đá rất lớn vớt xuống sông mà vẫn nổi, là nhờ có dò trở, không nhờ sức Phật thì tội nhỏ cũng vẫn luân hồi, cũng như hòn đá nhỏ vớt xuống sông phải chìm, vì không có dò trở.

5) Hỏi : Tuổi còn trai trẻ chưa được rảnh việc nhà bẵng đợi đến tuổi già sẽ quy y, thụ giới trì trai, niệm Phật, có được không ?

Đáp : Cổ nhân đã nói : « Chớ nên đợi đến tuổi già mới trì trai niệm Phật, xem ngay những bãi tha-ma

kia rất nhiều là mồ thanh-niên. Lại còn nhiều từ trẻ đến già, chỉ bủ riu cùng ăn ái, bỏ buộc vào gia-đình, trải biết bao nhiêu sự sầu khổ, vậy mà đến vút một cái, ba tấc hơi đứt, là muôn sự cũng lại đều vút hết, người may mà được con hiếu, cháu hiền còn biết cúng trai, tụng kinh giữ giới, niệm Phật, giữ gìn các việc đơm cúng giỗ chạp, để gọi là đền ơn sinh thành dưỡng dục một chút. Người chẳng may mà gặp phải lũ con bất hiếu, lũ cháu bất hiền, vừa chết đi sắc mặt còn chưa nhạt, hoặc chốc mồ chưa xanh, chúng đã vội vàng chanh nhau chia rẽ cửa nhà, bán cổ ruộng vườn, dĩ chí tranh đấu kện cáo, làm cho cơ nghiệp chỉ một thoáng là tan không, cốt nhục suốt đời thù oán, ấy cái tấn kịch của các gia-đình thường phô diễn như vậy, ví bằng có thương con cháu, mà lo xa cho con cháu thì dễ công đức còn hơn đề tiền của, rồi con cháu sẽ có nhiều phúc mà hưởng thụ lâu dài.

6) Hỏi : Trước phải trì trai rồi mới được niệm Phật người tại-gia một là còn phải tự vệ cho sức lực khỏe mạnh, lại còn phải theo nhiều lễ tục chưa có thể trì trai được, nên cũng không dám niệm Phật ?

Đáp : Những ngày trai, là tự có bốn vị Thiên-vương chu hành thiên-hạ, khám xét tội phúc, nên Phật mới, dạy những ngày ấy nên ăn chay, giữ giới, tụng kinh, niệm Phật, để tránh tội cầu phúc xem thể thì đủ biết ăn chay là để giữ lấy lòng từ bi, đức hiếu sinh, chánh được họa, cầu được phúc cho cả gia-đình con cháu chứ không phải chỉ lợi riêng một người tu mà thôi. Nếu nói không ăn thịt mà yếu, thì con vâm kia nó có ăn thịt đâu mà cũng mạnh khỏe ?? Còn quả là phải theo lễ tục không thể bỏ được, hoặc đã quen miệng mà sức yếu không có thịt không ăn được, thì Phật đã có phép phương tiện cho ăn năm thứ thịt như sau này : Một là : tay mình không tự giết, hai là miệng mình không dạy người khác giết, ba là mắt

không trông thấy loài vật bị giết, bốn là tai không nghe thấy loài vật bị giết kêu gào, năm là thấy ai giết giống súc vật mình cũng thương sót không tùy hỷ vào, thứ thịt nào không phạm vào những điều luật ấy thì ăn được cả, nếu vô cớ mà tàn sát để ăn thì nên nhớ lại chuyện ông Nguyễn-Trãi sai người dọn vườn, người dọn vườn làm chết có ba cái chứng răn, mà con răn mẹ nó báo đến ba đời, chuyện này còn chép rõ ràng ở sách sử nước ta, chứ nào chỉ riêng sách nhà Phật nói sát sinh phải tội đâu ? Ôi ! một phút ăn ngon mà muôn kiếp phải chịu nó báo lại đau khổ, người nhân và trí xin thử cân nhắc sương khổ xem.

7.) Hỏi : Sao chỉ dạy niệm Phật Di-đà cầu sinh Cực-lạc, mà không dạy niệm đến đức Phật khác, cầu sinh nước Phật khác ?

Đáp : Một câu niệm Phật có đủ hai phần lý và sự. Nói về lý thì vạn Phật cũng chỉ có một pháp thân Phật niệm một đức Di-đà cũng là niệm hà sa Phật, sinh nước Cực lạc cũng như sinh sang hà sa nước Phật, Nói đến sự, thì pháp môn niệm Phật rất tiện lợi cho cả mọi người rèn luyện tâm tính phòng tránh độc ác nên cổ kim muôn người tu, muôn người đều được giải thoát cả là nhờ có cái công đức bản nguyện nhơn của đức Di-đà, công đức nhơn đến cả thập phương chư Phật cũng đều phải khen ngợi, hà sa bồ-lát cũng đều phải niệm cầu, chúng ta tu phép niệm Phật cần phải dùng cả lý lẫn sự để làm hai bánh xe đi về Cực-lạc.

8.) Hỏi : Người xưa niệm Phật, thì đến khi thác là có Phật cùng thánh chúng đến đón tiếp, mà hiện thời xuất-gia và tại gia hằng ngày có tới nghìn vạn người niệm Phật mà sao khi thác xuống không thấy Phật cùng thánh chúng đến nghênh tiếp như người xưa ?

Đáp : Người xưa lấy tâm mà niệm Phật, người nay phần nhiều chỉ ở miệng có Phật chứ ở tâm không có,

muốn cầu Phật thì trước nhất phải cầu Phật ở tâm ta cảm đã thì mới có Phật ngoài ứng sau, sao vậy? trong kinh Di-đà Phật nói : người ít thiện căn, phúc đức, nhân duyên không thể sinh sang Cực-lạc được, chắc hẳn các vị nghèo túng nghe đoạn kinh này tất cùng nản lòng về ít phúc đức không được sinh Cực lạc, vậy tôi phải đem ý kiến nông nổi mà giải rõ hai chữ phúc đức và hai chữ nhân duyên như sau này : Một là lấy tiền của làm phúc đức. Người nhờ phúc duyên mà có tiền của dư dật, sẽ nên thể tất lòng từ bi bác ái của Phật nghĩa là ta thay Phật mà san sẻ ra cứu giúp cho những người đói rét hoạn nạn, cùng là tư dùm vào những việc công đức công nghĩa, hơn nữa là giúp vào những việc hoằng pháp phóng sinh nhưng cần nhất là phải trọng nghĩa khinh tài, như mình cầu đạo, chứ chớ nên cây có đồng tiền thùng thóc, đem ra mà mua danh chuộc lợi, cùng là khinh rẻ mọi người, thì dù bỏ của ra tày núi mà được phúc không bằng hạt bụi.

Hai là : lấy tâm lực làm « Phúc đức » lòng nhiên bị cảnh nghèo khó thì cần phải đem tâm lực ra làm « phúc đức ». Đại khái thấy người đói rét hoạn nạn, ta khởi ngay ra tâm thương xót mà ước nguyện rằng : Giá ta có tiền tài, thế lực thì quyết đem ra để cứu giúp khi thấy những loài súc vật bị giết chóc đau kêu, ta nên thương xót nó mà niệm Phật cho nó, gặp những loài phải rớt, phải trôi và sắp bị giết cũng vậy, khi thấy việc công đức, công nghĩa, nên phát tâm tùy hỷ vào, đem nhời tán thành vào, có thể giúp đáp được thì nên hết sức mà giúp vào. Ai có tâm lực làm phúc đức như vậy, cũng không kém gì người đem tiền của làm phúc đức, thế tức là bình-đẳng « phúc đức ».

Giảng về hai chữ nhân duyên : Mỗi khi niệm Phật, thì tâm phải chính niệm ân cần (tín) phải tinh tiến hết sức (hạnh) lại phải khẩn khoản cầu Phật độ như con mong mẹ (nguyện). Mỗi khóa niệm Phật từ đầu chí cuối,

câu nào cũng phải đủ Tín, Hành, nguyện, mới được, nếu không thì chỉ là niệm Phật để cầu Phật, thì dù niệm nhiều cũng uổng công, một ngày uổng công rồi mấy vạn ngày cũng uổng công, Phật ở tâm mình đã không cảm động, thì Phật ở ngoài cảnh còn ứng sao được? Đời nay niệm Phật mà khi thác không thấy Phật đến tiếp dẫn, là do không biết niệm Phật tâm.

9.) Hỏi : Vua Lương Vũ suốt đời ăn chay, thờ Phật làm phúc, làm duyên, sao mắc nạn ở Đài-thành mà Phật không đến cứu ?

Đáp : Nguyên nghiệp báo có hữu định cùng bất-định nghiệp đã định báo, thì dù có cầu Phật đi nữa, cũng không thể cứu được, cũng thí dụ như người cổ tâm mà làm ác, thì cái tội cổ tâm ấy không thể tha được. Nghiệp bất-định báo, thì tu trai niệm Phật có thể tránh được, cũng thí dụ như người nhầm nhớ mà phạm tội, thì dù tội nặng cũng có thể dung thứ được. Vua Lương-Vũ lúc bình nhật đã có đem vạn mệnh xã tắc hỏi Trí-công Tô-sư, ngài bèn lấy ngón tay chỉ vào cuống họng vua chứ không nói rõ là vua phải chịu cái nghiệp người Hầu - cảnh giết, về sau giặc Hầu-cảnh đến, thì mới khám phá được nhờ sấm ký của Tô Trí-công. Cứ xem bản Sự-tích của Tô Trí-công, thì ngài xuống trần là cốt để cứu vua Lương-Vũ, thế mà cũng không dám thuyết phá cái nghiệp định báo của Vua Lương, mà chỉ cứu được linh hồn của Vua Lương, là khi sau đã giả báo song rồi, lại trở về nơi Phật quốc, phạm người học đạo, tu đạo, đều gì còn nghi thì phải nên chất vấn, chứ chớ nên đem cái câu nghi ấy làm cái hàng rào ngăn đường tiến tu.

10.) Hỏi : Nước Phật ở Thiên-trúc là nước Tây-đơn ở bây giờ, vui gì, sướng gì mà cứ ân cần cầu sang ?

Đáp : Đại phạm việc gì không biết hẳn thì nói là không biết, thì còn có thể cho là biết được, nếu không

biết đích sác mà nói lơ mờ để cầu danh dự với người học thức kém cỏi, thì chả khác gì nói dối lũ trẻ em, đến lúc chúng nhớn lên học rộng biết nhiều, chúng sẽ cười chế và khinh-bĩ một cách lạ lùng. Nước Thiên-trúc mà Tây-đen ở bây giờ, chỉ là cùng khu chỗ đức Thích-ca đáng sinh, chứ còn Tây-phương cực-lạc là ở ngoài vòng giới đất này. Vì người chưa có Phật nhớn chưa thể thấy được. Nhưng hăng nên tin những nhà Thiên-văn-học ở Âu-châu hiện thời, cũng đã công nhận rằng mỗi một hành-tinh là một bầu giới đất riêng, vậy thời nước Cực-lạc ở ngoài cõi Đại-thiên này vậy.

Sa môn : TỖ-LIÊN

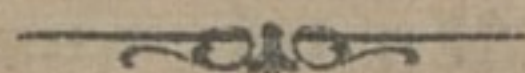


CỰC LẠC QUÊ NHÀ

(CHUYỆN CÁC VỊ TU ĐÃ VẮNG SINH)

Tác-giả : Văn-Thê Tổ-sư

Dịch-giả : Sa-môn Tổ-Liên



Các vị Tổ sư niệm Phật được về Cực-lạc

1. Tổ Tuệ-Viễn. — Tổ Tuệ-Viễn về đời nhà Tấn, sinh quán ở xứ Lâu-phiến thuộc phủ Nhạn-Môn, ngài đã là người tư bẩm thông minh xuất chúng khí phách phi phàm, lại nhờ có phụ sư giáo-huấn, nên hao nhiều kinh sử thế gian thấy điều lão luyện cả, dĩ chí về đạo Lão-Trang lại càng thần hơn nữa, như vậy mà lại chí đem cái tính chất siêu nhân ấy thi vào trường Thanh-Thái (Cực-lạc) vô vi, nên lúc còn ở nhà thường hay đi đến các chùa nghe giảng kinh thuyết pháp. Một hôm đến nghe An pháp sư giảng kinh Bát-nhã, cũng là nhân duyên tu tập nhiều kiếp, nên diệu pháp chóng nhập thần, vừa nghe đã tự thấy tinh thần nở nang sáng suốt, tựa hồ như bóng giảng đương bị mây ám mà quang ra, thế là phát hiện ra cái trí xuất gia học Phật từ đấy, nghe xong là lập tức xin theo An-pháp-sư xuất gia học đạo, mà pháp-sư thấy người nghe Kinh Bát-nhã mà cầu xuất-gia ngay thì cũng là bậc Đại căn Phật tử, nên cũng hoan hỉ độ ngay. Do ngài có sẵn cái căn trí tuệ nên sự tu hành không mấy chốc đã trở nên một bậc pháp mầu thuần túy, giới đức tinh nghiêm, đến năm niên hiệu Thái-nguyên thứ sáu, mới đi vân du qua núi Lư-sơn thuộc huyện Tầm-dương, thấy Lư-sơn là nơi phong cảnh rất u khoáng thanh nhã thực là phong cảnh phi phàm có thể mở thành một nơi đại đạo tràng, cho mọi người đến đấy mà giống mầm thánh vin quả Phật được. Cũng do một tấm lòng thành muốn mở đạo tràng để khai hóa, nên cảm động đến Sơn-thần ngay, tối hôm ấy ngài tọa thuyền ngay ở Lư-sơn, tới khi vừa nghỉ thì có Sơn-thần đến báo mộng rằng : Sẽ xin giúp việc kiến trúc chùa viện cho ngài để mở đạo tràng : quả nhiên

đến một tối giờ nổi trận giông táp gió mưa, thực là trận nhỏ cây bẻ cành, tung đá, bay cát, đến sáng ra xem thì đúng là sơn thần mượn trận mưa gió để trở gồ đến. Sự này đồn đến tai quan thứ sử Nhạn-môn là Hoàn-Y, ông Y trước vẫn khâm phục đạo học thuần túy của ngài nay lại thấy huyền cơ hiển pháp lực vệ hộ như vậy, thì biết rõ là bậc Thánh tăng xuất thế cứu đời, liền vội vã đến ngay Lư-sơn, xin cho dựng chiêu tập thợ thuyền, để làm chùa viện giúp Tổ, thực là một vị Tổ-sư đủ cả thần trợ quan phù vì có quý thần vệ hộ về việc làm ngôi « Lư sơn Tự viện » nên mới đặt hiệu là chùa « Thần vận » nguyên vì phía tây núi ấy đã có ngôi chùa Tây-lâm, trước kia là Dinh quan Thứ-sử Đào-Phạm, mới hóa gia vi tự, để mời ngài Tuệ-Vĩnh Thuyền-sư về tu trì, nên sau lại đổi tên chùa Thần-vận là chùa Đông-lâm. Tổ Tuệ-Viễn ở chùa Đông-lâm đến ba mươi năm mà không đặt chân đến một nhà Thế-tục nào. Các bậc cao tăng và Cư-nhो đời bấy giờ đến theo ngài hành đạo niệm Phật ở chùa Đông-lâm đông như chợ, nên lại kết thành hội liên xã, những thượng căn chuyên tu có tới một trăm bốn mươi vị, mà vị nào cũng phải theo đúng chương trình nhất định là ngày đêm sáu khóa cùng tụng kinh niệm Phật nhất mực như nhau cả, mà thì giờ lễ niệm đã có đồng hồ « Liên lậu (1) làm điều độ.

(1) Liên-lậu ; — Đời xưa chưa có đồng hồ như bây giờ, nên đều phải dùng gáo dừa đổ nước vào làm đồng hồ. Cách dùng đồng-hồ gáo sẽ dùi cái gáo có hạn lượng nhất định mà đổ nước vào cũng có hạn nhất định, hề thấy hết một gáo nước, là hết nửa ngày, hay nửa đêm, còn muốn biết từng giờ hay từng khắc, thì phải cử người ngồi đếm từng giọt một. Tổ Tuệ-Viễn muốn khắc hoa sen vào cái gáo để làm cái dấu hiệu đồng hồ riêng của nhà chùa, nên mới gọi là « Liên-lậu » vậy.

Đại để ai đã vào hội Liên-xã của ngài, ai cũng phải phát nguyện dốc một lòng tri trai, thủ giới, tụng kinh, niệm Phật để cầu sang Cực-lạc cho thoát khỏi hệ lụy hồng trần, chứ không như mọi người chỉ chăm cầu thêm lấy nghiệp để buộc mình, cũng do cảm đến công đức tinh tiến tu trì khai hóa nên Phật Di-đà mới hiện thân cho thấy ba lần, mà ngài vẫn yên lặng không nói tiết lộ, mãi đến ngày sắp tịch, thì đương ngồi tưởng niệm ở trên đài Bát-nhã, bỗng lại thấy đức Di-đà lại hiện thân và phóng hào quang lồ lộ cả hư-không trong hào quang lại có vô số là chư Phật, mà tả hữu đức Di-đà, lại có ngài Quán-âm Bồ-tát, Tể-chí Bồ-tát đứng hai bên thị tùng, phía sau hai Bồ-tát có ngài Đà-da-sá, ngài Tuệ-trì, Tuệ-vĩnh và ông Lưu-d-Dân, toàn là các vị cùng tu phép niệm Phật ở trong hội Liên-xã, mà đã đầy thuyền mãn quả trước ngài, bấy giờ các vị đều cất tiếng hỏi rằng : « Tuệ-viễn, định tâm tu Tịnh-độ trước chúng tôi, sao lại sang Cực-lạc sau chúng tôi ?! » Đương định thần để đáp, thì đức Di-đà đã cất tiếng chuyển rằng : « Tuệ-viễn Tôi dùng sức bản nguyện lại mà an úy, và mách bảo ông đây, chỉ còn có bảy ngày nữa là ông sẽ được sinh sang nước Cực-lạc » ngài thấy Phật chỉ truyền như vậy, lấy làm vui mừng không khác gì người đang ở cái nhà nóng nực, ô uế, mà có người đưa đến nơi đài các phong quang, u nhã, sáng ra bụng vẫn còn đình ninh nhớ nhờ Phật chỉ chuyển. Mới họp các Môn-nhân lại mà bảo rằng : « Tôi đã ba lần được thấy Phật Di-đà, đêm hôm qua lại thấy Phật hiện thân mà bảo, bảy ngày nữa sẽ được sinh về Cực-lạc » Chúng nhân nghe nói ai cũng động dung than vãn, là đồ mất một cây phước cái để chỉ dẫn cho con đường về Cực-lạc, mà lại mừng cho ngài được về nơi cảnh thọ lạc vô cùng. Thấm-thoắt đã đến ngày thứ bảy, ngài lên thuyền-sàng ngồi niệm Phật mà hóa, hôm ngài hóa chính vào ngày mồng sáu tháng tám, lại do ngài có công đức sáng lập ra hội Liên-xã, nên mới tôn làm bậc Thủy-Tổ Liên-Tôn.

2. Tổ Thần-Loan

Tổ Thần-Loan là người về đời Hậu-nguy, lúc thiếu thời đến chơi cảnh núi Ngũ-Đài, tự mắt thấy được sự cảm ứng dị thường, biết ngay là mình có thiện căn với đức Đại-giác, nên ngài mới ứng hiện cho biết, nghĩ thế rồi cúi xuống lễ tạ ra về xin phụ mẫu đi tu, nhưng cũng là tín căn chưa vững, mà lại tổ tính là người thiên ái về pháp thuật trường sinh của đạo Lão-trang, lại được ông Đào-ân truyền thụ cho mười quyển kinh Tiên dạy về phép tu Tiên, nay tuy đã mang hình dáng là Phật-tử, mà vẫn chỉ chăm chú về sự học tập kinh sách Tiên, mà bỏ sao nhãng cả bản nghiệp tu luyện đạo Phật đi thực đã vào núi ngọc mà cứ mãi miết đi nhất cuội thì ai không bảo là người mê?! nhưng cũng còn nhờ có duyên với đức A-đi-Đà nhiều, nên một hôm may gặp Tổ Bồ-đề Lưu-Chi, liền hỏi ngay rằng: « Nhà Phật có phép cho người tu đến cõi tràng sinh bất tử không? » đáp: « Đạo Phật mới chính là đạo « Tràng sinh bất tử » có đủ kinh sách chứng cứ mà ông không chịu tụng đọc nên mới mê Tiên như vậy, thế thì theo đạo Phật có bổ ích gì! » nói đoạn lại lấy bộ kinh « Thập-lục-Quán » ra đưa cho và bảo rằng: « Ông nên học bộ kinh này cho kỹ càng rồi sẽ y theo kinh này dạy bảo mà tu trì, quán tưởng, thì tự khắc thoát ly được luân hồi, oan báo, sinh tử đọa đầy sẽ được « Trường sinh » đến hằng hà sa kiếp không cùng: bộ quán kinh này mới chính là pháp « Trường sinh của họ Thích ta ». Tổ Thần Loan được bộ kinh Thập-lục-quán đem ngay về đốt hương đọc tụng, dần dần thấy tâm địa tựa hồ như người say mới tỉnh hầu phát ra tâm hối hận là trước kia mình bị nhầm, tức khắc đem ngay mười quyển kinh Tiên, của ông Đào-ân truyền cho, lấy lửa đốt hết, từ đấy giở đi chuyên một niềm tụng kinh niệm Phật. nửa bước mồm không giới niệm Di-đà-Phật, tâm không giới niệm Di-đà-Phật. dĩ chí đến lúc tật bệnh, đau ốm, và rét nực quá độ, cũng không giám bỏ trễ nải

lễ niệm. Chúa nhà Hậu-ngụy thấy ngài tu luyện tinh tiến bội thường như vậy, lấy làm quý báu, khen ngợi khôn xiết, mới lại ban tên riêng cho ngài là : « Thần-loan ». Một tối thấy một vị phạm-tăng đến gọi tên mà bảo rằng : « Tối đây tức là Long-thụ (Long-thụ Bồ-tát) về ở Cực-lạc đã lâu, thấy ông là người chuyên tâm niệm Phật cầu sinh Cực-lạc, tức là đồng chí với tôi, mà ông lại sắp được về Cực-lạc, nên tôi mới đến đây đón rước chờ cùng về « Cực-lạc » Tổ Thần-Loan nghe biết mình sắp được về Liên-trì châu Phật, lấy làm vui mừng lắm, liền cho nổi hiệu chuông hợp chúng mà giáo giới rằng : « Luân hồi khổ gấp mấy cùm gông, đau đớn u-hồn khó gỡ xong, địa ngục tội tình đều hãi sợ. Liên-đài giải thoát phải cùng mong ».

Giáo-giới xong lại truyền cho các môn nhân đệ-tử, đều yên lặng ở ngay trước ngài mà đồng thanh niệm Phật, còn ngài thì ngồi chiều bái về phương Tây mà thoát hóa ! Bấy giờ tăng chúng đều nghe thấy các tiếng âm-nhạc của chư thiên đến đón rước đi về phương tây, một hồi lâu lắm mới hết.

3. Thiện-đạo Hòa-thượng

Thiện-đạo Hòa-thượng là người về đời Đường một hôm đến yết kiến ngài Sư-đạo Thiên-sư, trông thấy đạo tràng có chín phẩm đài sen rực rỡ trang nghiêm, tưởng chừng như hội Liên-trì Phật quốc là đây, mà lại tưởng như mình đã được về dự rồi, liền đem cái cảm tưởng khoái lạc ít có ấy ra nói chuyện cùng chúng nhân rằng : « Đạo tràng này mới thực là « đạo tràng » phổ thông tế-độ, theo pháp khác mà tu cũng như người lần từng bậc mà lên cao thực là lâu tới, chỉ có tu pháp môn niệm Phật này là chóng thoát ly được nghiệp sinh tử, quả báo ngay, từ xưa đến nay, tại gia, xuất gia, muôn nghìn người tu-trì không một ai là không được về Cực-lạc cả ». Từ đấy ngày đêm cố gắng lễ tụng, đề

câu siêu thoát cho mình và khích khuyến cho mọi người nữa. Mỗi lần ngài quý gối niệm Phật; mà tự thề với Phật rằng : « Hễ đệ-tử không cực mỗi một, thì không giám nghĩ. Đến khi xong khóa niệm Phật, lại đem các kinh sách dạy về phép tu tịnh-độ giảng diễn cho mọi người nghe, cứ một mực tinh tiến như thế, đến hơn ba mươi năm, chưa từng nằm ngủ trái thời bao giờ cả. (Ngài chuyên tâm tinh tiến niệm Phật để độ mình, lại chuyên giảng kinh thuyết pháp để dạy cho người biết đạo tu trì cũng như mình. Thực là một vị tổ-sư toàn trí, toàn nhân, đáng làm gương cho muôn đời). Có ai dâng cúng thức ăn gì, ngon lành tươi tốt là cho đem xuống để cúng tăng chúng, còn ngài thì chỉ dùng những thức sấu xa tầm thường thôi, lại còn thập phương đưa tiền của đến cúng, thời chỉ dùng để in kinh Di-đà, in được tới mười muôn quyển kinh « Di-đà », và ba trăm bức tranh « tịnh-độ biến-tướng », còn tiền ra lại đem sửa sang những nơi chùa chiền đổ nát và mua hương đăng cúng dàng nhật dạ bất tuyệt. Các thứ áo, bát của ngài riêng dùng, không bao giờ phiền đến ai giặt, rửa, cất lấy cả, khi đi đường không chịu đi cùng với mọi người, sợ bàn đến chuyện thế sự phiền tạp rối loạn tâm chính niệm. Các đệ-tử về theo ngài học lập, tu trì đông lắm, mà ai cũng rốc chí tu luyện như ngài cả. Chúng ta cứ coi ngay các vị đệ-tử của ngài tụng niệm như vậy, thì đủ biết là những bậc thánh hiền đệ-tử cả.

Có nhiều người tụng kinh Di-đà được mười muôn biến cho đến năm mươi muôn biến, có nhiều người hện mỗi khóa niệm Phật một muôn câu cho đến mười muôn câu, những vị chúng được phép niệm Phật Tám-mươi cũng nhiều, có người ngờ mà hỏi rằng : « Niệm Phật được sinh sang Cực-lạc thực ư ? » đáp : « Ông niệm thế nào, rồi sẽ toại nguyện như vậy, nếu

không tin sẽ coi ta niệm đây thì đủ biết » nói đoạn liền cất tiếng niệm Phật. bễ niệm một tiếng, là tự nhiên có một đạo hào quang trong miệng ngài phóng ra, dĩ chí niệm đến mười tiếng, trăm tiếng cũng vẫn có hào quang phóng như vậy. Ngài có bài kệ răn đời rằng :

*Dần dần tóc bạc, da răn,
Năm, ngồi, đi, đứng, nhọc nhằn, kêu nhằn.
Có nhà tiền bạc bắt vằn,
Cũng không chuộc nổi tám thân bệnh, già.
Thế thân, quyền thuộc đầy nhà,
Quý kia đến bắt ai mà cự xong,
Biết điều tu tỉnh gắng công,
Di Đà chuyên niệm mới mong cứu mình.*

Một hôm Tổ báo chúng nhân rằng : « Ta chán ghét tám thân này lắm, ta sắp về Tây-phương Cực lạc đây ». Nói đoạn liền ra trèo lên cây liễu hướng về phương tây mà cầu nguyện rằng : « Xin Phật tiếp tôi, Bồ-tát đón tôi cho tâm tôi khỏi rối loạn để mau sinh về Cực-lạc » cầu nguyện xong giờ xuống là tịch ngay, vua Cao-tôn nghe biết sự nghiệp của ngài tu hạnh, khen ngợi vô cùng, mới ban chiếu cho biếu chùa ngài trụ trì là « Quang-Minh-Tự ».

4. Tổ Đài-Nham pháp-sư

Tổ Đài-Nham là người đời nhà Đường, sinh quán ở Tiên-đô, thuộc phủ Tấn-vân, khi 15 tuổi đã thông hiểu ý nghĩa kinh Pháp-hoa và kinh Lăng-nghiêm, là hai bộ kinh Đại-thừa, nghĩa lý rất uyên áo. Một hôm đến chùa Bạch mã, thuộc thành Lạc-dương, thấy trong chùa có một quyển sách phóng hào quang sáng sửa rực rỡ, biết ngay là mình có duyên phúc thế nào; mới gặp bộ sách có thần lực như vậy, bèn khúm núm lễ bái; rồi lấy ra xem, thời chính là quyển « Tây-phương hóa đạo » tự tay ngài Thiện-đạo Hòa-thượng làm ra mới cầm

cả quyển sách quỳ xuống mà cầu nguyện rằng : « Nếu lời thực có nhân với Phật Di-Đà ở Cực-lạc, thì xin cuốn sách này lại phóng hào-quang lần nữa ». Vừa cầu nguyện rút lời, thì quả nhiên hào-quang ở cuốn sách lại phóng ra như trước, ngài thấy được như nguyện lấy làm vui mừng lắm, bèn lại phát nguyện rằng : « Dù đến bao nhiêu kiếp đi nữa, tâm nguyện này cũng không thể đổi thay được ». Đoạn rồi lễ tạ ra, lại đi đến Tràng-an vào chùa Quang - Minh, lễ ảnh tượng tổ Thiện-đạo Hòa-thượng, vừa quỳ xuống lễ, lại thấy thân tượng tổ bay lên hư-không mà chỉ giáo rằng : « Phải nên chịu khó khai hóa cho các người biết học đạo, trì trai niệm Phật, cầu sinh sang Cực lạc. Một mai công quả tròn đầy, sẽ được sinh về Cực-lạc ». Ngài bái lĩnh nhời tượng tổ chỉ giáo rồi, tạ lễ ra đi, đi đến đất Tân-định rồi ngài tự đi vào các nhà xin tiền đem cho các trẻ em, để dỗ cho trẻ niệm Phật, trẻ nào niệm Phật một câu là cho một đồng tiền, như thế mãi đến hơn một năm, từ sau người xứ ấy, bất luận nhớn, bé, sang hèn hễ ai được gặp ngài đều niệm A-di-đà Phật cả, ngài đi đến đâu thì tiếng niệm Phật vang cả con đường ấy lên, đến hồi ngài lên núi Long-sơn mở Tịnh độ Đạo-tràng mỗi khi ngài lên ngồi cất tiếng niệm Phật, là đại chúng đều trông thấy một vị Phật ở miệng ngài hiện ra, niệm đến mười tiếng, cũng lại có mười vị Phật hiện ra như trước. Ngài bèn bảo Đạo-tràng rằng : « Hễ ai được thấy Phật ở trong miệng ta hiện ra là sau này người ấy được về Cực-lạc ». Bấy giờ chúng nhân ở Đạo-tràng có tới trăm nghìn người, hễ người nào không thấy Phật ở trong miệng ngài ra, là khóc lóc một cách rất thảm mà lại tự trách móc mình là chương sâu tội nặng nên mới không trông thấy Phật. Từ đấy về sau ai cũng đều tinh tiến lễ Phật, để cầu cho được thấy

Phật như các ngài trên. Một hôm vào ngày mồng ba tháng mười, ngài mới khuyên hết cả tăng tục rằng : « Cõi Tịnh-độ phải nên sinh lòng ham muốn, cảnh hồng trần phải nên sinh lòng chán ghét, lúc này cả đạo tràng, hễ ai mà trông thấy hào quang của ta, thì người ấy mới thực là đệ tử ta ». Nói xong liền phóng ra hai đạo hào-quang sáng rực rỡ, rồi cùng đạo hào-quang ấy lừ lừ mà đi về phương Tây các đệ tử xây tháp để xá lợi ngài trong hang núi Đài-tử nên mới gọi tên ngài là Đài-Nham.

5. Tổ Từ-vân Sát-mủ

Ngài sinh về đời nhà Tống, quán ở huyện Lâm-hải, thuộc châu Thai, là một bậc học hành uyên bác, danh đức hơn đời, tuy vậy mà hàng ngày cũng chỉ chuyên chú niệm Phật Di-đà cầu sinh Cực-lạc mà thôi. Ngài thường tu về môn ban-chu-Tám-muội (phép hành Ban-chu-tám-muội, là phải vừa đi, vừa niệm Phật, cho đủ chín mươi ngày đêm, làm một kỳ, chỉ trừ có bữa Ngọ là được nghỉ ăn ». Những kỳ ngài vào lễ phép sám này, nhiều khi hai chân đau đớn nứt nở cả ra, mà vẫn cố gắng làm cho đúng tuần nhật, nhiều khi thấy mỗi một đau khổ quá, thì lại khởi tâm tinh tiến phát thệ rằng : Có chết thì thôi, chứ không chịu bỏ giờ công phu, vì có nhời thệ nguyện thống thiết như vậy, nên không bao giờ chịu bỏ giờ công khóa cả. Một hôm thấy đức Quán-âm bồ-tát dơ tay chỉ vào miệng ngài, rồi kéo ra có mấy con sâu, rồi trên đầu ngón tay Quán-âm bồ-tát, hóa ra một bầu cam lộ tuôn rót vào miệng ngài. Đến lúc Quán-âm Bồ-tát đi rồi tự thấy thân tâm mát mẻ, mạnh mẽ lạ thường, mà những vết đau đớn nứt nẻ ở chân, cũng đều khỏi cả, ngoài những thì giờ lễ niệm, thời ngài lại còn viết chép ra những sách vở, để chuyển bá cho đời sau. như là sách « Tịnh độ quyết nghi hành nguyện » và sách « Tịnh-độ hành sám » các sách này thực là những tấm gương để soi cho mọi người biết đường mà tu trì cầu

nguyện về Cực-lạc. Đến đoạn ngài sắp mất, thời thung dung lên lễ Phật, để nguyện Phật chứng minh tiếp dẫn cho sinh về Cực-lạc, phát nguyện xong ngồi chỉnh tề mà niệm Phật mãi đến chiều mới hóa. Đêm hôm ấy mọi người đều trông thấy một ngôi sao to lớn tự nhiên biến sắc lò mờ, rồi xa xuống núi Linh-Thứu, là nơi Phật Thích-Ca ở thuyết pháp ngày xưa, vì vậy mới tôn xưng hiệu ngài là « Từ-Vân-sám-chủ »

CÁC VUA QUAN NIỆM PHẬT SINH CỰC - LẠC

1. Vua nước Ô - Trành

Một vị Đế-vương mà đã dày công sùng phượng Phật pháp, tin ngưỡng tu trì, thời không phải bàn đến những sự đem lòng từ-bi bác-ái ra mà gây dựng cho thiên-hạ thái-bình nữa, đây chỉ xin bàn riêng về sự ngài chuyên chú niệm Phật, thành kính trai tăng, kể ra từ thượng cổ đến nay, các vị Đế-vương sùng phượng Phật pháp không phải là ít, mà chuyện này chỉ chép một vua Ô - Trành là vì vua Ô-trành ba mươi năm chỉ chuyên chú về công phu niệm Phật Di-Đà, cầu sinh Cực-lạc, thực là một vận sự toàn thiện cả cuộc sống và cuộc chết của một vị Đế - vương siêu việt cổ kim, sự thực hành của vua Ô-trành : Ngày thường thì ngoài sự triều chính ra, là chỉ chuyên chú đọc tụng kháo cứu các kinh sách Phật. Có một hôm bảo với quan thị thần rằng : « Trẫm tuy tôn quý đến làm chúa cả thiên-hạ mà phú quý có cả của bốn bể, nhưng cũng không tránh khỏi cái khổ nạn vô thường đau đớn về sau, vậy thời những sự tôn vinh phú quý của trẫm này, chỉ cho nó như là tấn tuồng thôi ! Trẫm thường đọc kinh Phật, thấy nói về phương Tây có nước Cực-lạc, đủ cả đất, cát vàng, đai các ngọc, có ao bát đức, có cây thất bảo lại có thứ chim của đức Di-đà hóa ra, ngày đêm

kêu hót thành ra tiếng thuyết pháp rất hòa nhã màu nhiệm, lại có đức Phật Di-đà, vẫn hiện tại thuyết pháp cho chúng sinh nghe, nhân gian ai mà chuyên tâm niệm cầu, thì mai sau khi mệnh thác thần quy ngài sẽ tiếp dẫn cho được về Tây-phương cực-lạc, được thoát hẳn sự luân hồi quả báo, được hưởng hà sa thọ lạc. Trăm từ đây sẽ quyết chí cầu sinh sang nước Cực-lạc. Từ đấy trở đi, dòng dã suốt ba mươi năm trời, cứ ngày đêm chia làm sáu khóa, hành đạo, niệm Phật, không chịu bỏ một khóa nào. Lại thường ban tiền cho sửa cỗ bàn cúng Phật, trai tăng nữa, trong những khi trai hội, là cả vua cùng phu nhân, thân hành ra sai khiến bày trai bàn cúng chur-tăng. Cũng do ngài có đầy công phu hành nguyện tu trì, niệm Phật, và lại có nhiều công đức thành kính cúng dàng chư tăng, nên ngày ngài sắp băng hà có Phật đến tiếp dẫn, và các chư thiên đem đủ các thiên nhạc, thiên hương đến tận vương cung đón rước, còn ngài thời ngồi hoan hỷ niệm Phật mà đi. Ôi! cổ kim nay phần nhiều người càng ở vào địa vị tôn quý bao nhiêu thời cái bả dục vọng lại càng to bấy nhiêu, cái bả dục vọng càng to bao nhiêu, thời cái nghiệp chướng sâu cay lại càng mắc vào bấy nhiêu, cái lý thể công nhiên của nhân-gian như vậy, không phải là bậc đại-thánh đại hiền thì ít mấy người tránh khỏi được cái lưới vô minh ấy. Vậy mà vua Ô-tranh ở ngôi tôn vinh làm Thiên-tử, mà vẫn cho tấm thân là vô giá trị, coi cõi trần hoàn như là trường mộng ảo thể thắm, nên thân vẫn ở vào nơi bệ ngọc ngai vàng, mà tâm vẫn chuyên phụng sự một bàn thờ Cực-lạc ; tai mắt thì hằng ngày có tới vạn cơ chính sự, mà lúc nào miệng vẫn lầm dăm câu Di-đà, nếu không phải là một bậc có dày thiện căn với Phật Di-đà đời trước, thì ai được như vậy.

2. Tổng Thế-Tử

Đời nhà Tống có Tước Thế-tử là họ Ngụy, ba cha con Thế-tử đều chuyên tâm niệm Phật chỉ duy có người vợ Thế-tử bất tín và lười biếng không chịu trì niệm, một hôm người con gái 14 tuổi, tự nhiên không bệnh tật gì mà chết, chôn cất đã được bảy ngày rồi, người mẹ đêm nằm chiêm bao thấy cô ta lại về báo mộng cho mẹ biết rằng : « Con vừa mới nhắm mắt, tắt hơi, thì thần hồn được tiếp về Cực-lạc ngay, con đi đến hội Liên-trì, thì chỉ thấy cha con, các anh con, mỗi người đều có một tòa hoa sen có đề họ tên rõ ràng, đề chờ đến khi mệnh thác là thức thần về ở đài sen ấy, chỉ duy có một mình mẹ là không có tòa hoa sen chờ đợi thôi, con không nỡ để một nhà sau này đều được về cõi Cực-lạc, cùng nhau lại được đoàn tụ, hà sa kiếp ở cõi Liên-dài phúc-cảnh an dưỡng tinh thần, mà một mình mẹ phải xa lạc vào con đường luân hồi thê thảm vô hạn ! Vậy con phải tạm về đây mà mách bảo cùng mẹ, xin mẹ mau mau hồi tâm kính tín, mà chuyên trì trai, niệm Phật, để sau này cùng cha con anh con cùng con đều được về đoàn tụ cõi tiêu giao giải thoát ». Người mẹ nghe con nói đến đây liền động dung khóc lóc rồi dặt mình tỉnh dậy, thì bụng vẫn nhớ định ninh cả, mới phát ra tâm hối hận đến tội mình bài báng chồng con niệm Phật trì trai trước kia. Từ đấy trở đi ngày đêm trai giới, niệm Phật rất là tinh-tiến, thành kính, ai cảm, thống thiết, quả nhiên sau được về Tây phương Cực-lạc thật. Xem thế thì đủ tin rằng ; sông mê bể khổ cũng ở tâm bất tín của mình tạo ra, mà đến Liên-dài Cực-lạc cũng lại do tâm chân tín của mình tạo ra cả. Xem như chuyện này, mới biết là « hồi tâm hồi được quý thần » Ồi ! cô con gái đã về Tây-phương rồi, mà còn đem những sự mắt thấy hiển nhiên về mà khuyến hóa cho mẹ hồi tâm trai giới, niệm Phật, thực là con chí hiếu, mà mẹ nghe con khuyến hóa mà hồi tỉnh ngay, cũng thực là mẹ chí từ, một đời hiếu từ, muôn kiếp nhân duyên quý thay ! báu thay !

3. Ông Lưu-Di-Dân

Về nhà Đông Tấn ở đất Bành-thành có ông Lưu-trịnh-Chi hiệu là Di-dân vốn là dòng dõi vua Nguyên-Vương nước Sở, (Nguyên-Vương là em vua Cao-tổ nhà Hán, phong làm vua nước Sở) Di-dân mồ côi cha từ thuở nhỏ, mà thờ mẹ chí hiếu, ông là người có khí phách, thông minh, tuấn tú, đường hoàng thanh nhã hơn đời, nên không hề giao du cùng những hạng người kém tính cách nhân đạo, tuy đã ra làm quan đến tước Tham-quân, nhưng sau có nhiều sự bất mãn nên mới từ quan về ẩn, đã có nhiều lần Tạ-an cùng Lưu-du tiến cử ra làm quan nữa, nhưng ông nhất định chối từ (thực là thiên tử không bắt được làm tôi. mà khanh tướng cũng khó kết được làm bạn) Vua nhà Tấn cũng kính phục cái tiết tháo của ông, nên mới tặng cho tên là « Di-dân ». Từ ông tạ chức về ẩn, là vào dự hội Liên-xã của đức Tuệ-Viên để tu trì về môn Tịnh độ ngay, ông có làm ra một tập thơ gọi là :

Niệm Phật tam muội thi tập » để phát biểu cái trí hướng tín, hành, nguyện, về Cực lạc của ông, trong khi ông ngồi quán tưởng thường thấy Phật Di-Đa phóng hào quang soi xuống đất ánh sáng như là sắc vàng. Theo hội Liên xã được mười lăm năm, thì một hôm thấy đức Phật Di-Đa phóng hào quang và hiện thân tới rồi lại đủ tay an úy. Ông liền quỳ xuống xoa xuyết mà cầu nguyện rằng : « Con vẫn mong mỗi làm sao được Phật lấy tay xoa đầu cho, lấy áo che thân cho », vừa nguyện dứt lời, thì đã thấy Phật duỗi cánh tay kim sắc xoa đầu, và chằng áo Cà-sa che thân cho, thế rồi cách một độ lâu đương lúc ngồi tưởng Phật lại được đi đến Tây phương vào ao Thất bảo, có các hoa sen xanh, trắng sen nhau lại có Phật Di-Đa đứng trong ao hoa sen, ở cổ Phật có một đạo hào quang tròn sáng tựa bóng giăng râm, ở giữa ngực lại có chữ « Vạn ». Phật liền cất ngón tay chỉ vào ao nước mà bảo Di-dân rằng « Ao nước này có đủ tám công đức, cho con uống đi » Di-dân liền bái Phật rồi mức

nước uống, quả nhiên ngọt ngào thơm tho, khác hẳn với các thứ nước ở thế gian, uống xong đặt mình tỉnh, hãy còn thấy mùi thơm ngào ngạt từ ở các chân lông xông ra. Ông nghĩ biết ngay nước mình vừa uống đây chính là nước từ bi, Phật ban cho để rửa sạch thân phàm mà về nơi thanh tịnh. Nghĩ thế rồi liền bảo với các vị trong hội Liên-xã rằng: « Tịnh duyên của tôi đã đầy đủ rồi, tôi sắp trừ trần hoàn mà về Cực lạc đây !! » Nói đoạn liền lên đốt hương, đối trước tượng Phật cầu nguyện rằng: « Con nhờ có đức Phật Thích-ca, để kinh sách vàng ngọc lại dạy bảo, nên mới được biết đến đức Phật A-di-đà, vậy con xin dâng triện hương này, cúng dâng Phật Thích ca, cùng là Phật Di-đà, sau nữa lại xin cúng dâng kinh Pháp hoa, mong cho hết thấy chúng sinh đều được sinh về Cực lạc cả » Nguyện xong liền hướng mặt về phía Tây chấp tay mà hóa.

4. Ông Phòng-Chử

Ông Phòng-Chử người nhà Đường, tự nhiên chết tươi hồn xuống âm phủ, thấy vua Diêm - La. Vua bảo rằng: « Cứ xét trong sổ thì ông đã từng khuyên được một người niệm Phật, đã được sinh sang nơi Tịnh - độ rồi. Ông nhờ phúc ấy, cũng sắp được sinh sang Tịnh-độ, nên mời với ông lại đây nói chuyện đó. Ông nói: « Trước tôi còn phát nguyện in một vạn quyển kinh Kim-cương và đến lễ chùa ngũ đài nữa, chưa muốn vãng sinh vội. Vua nói: In kinh và đi lễ vẫn là một sự hay thật song không bằng sớm vãng sinh là hơn. Ông cố từ. Vua biết chí ông cương quyết không thể đoạt được, nên mời cho hồi sinh. Xem đó đủ biết rằng: khuyên người ta tu không những mình được vãng sinh mà thôi, lại còn cảm động cả đến cõi u minh nữa vậy.

5. *Bach-cư-Dị Thái-tử thiếu phó.*

Ông Bach-cư-Dị, làm đến quan Thái-tử thiếu phó triều Đường, mà cũng tự bỏ dinh thự ra làm chùa Hương sơn, và đặt tên hiệu riêng là Hương-sơn Cư-sĩ. Bất hạnh ông trở về già mắc bệnh tê, thuốc nào cũng không chữa khỏi, mà ông cũng tự biết là thuốc chỉ chữa nổi bệnh, chứ không thể chữa nổi nghiệp báo bèn bỏ tiền bông ra muôn quan, để vẽ một bộ bản đồ « Tây-phương Cực-lạc » rất tinh tế đúng như phép trong kinh Vô-lượng-Thọ nói. Ông lại làm bài văn « Phát nguyện rằng :

Cõi Cực-lạc là quê Tịnh-độ,

Không có loài ác cùng sự khổ.

Mong ai giả bệnh như tôi này,

Được đức Di-đà đều tể độ.

6. *Tổ Đông-pha Hàn lâm*

Tiền thân Tổ Đông-pha, là Tổ Giới thuyên-sư, Tổ Giới cùng Tuệ-quang-hao-thương kết bạn rất thân mật, chỉ vì nghiệp duyên chưa sạch hết, nên Tổ-Giới lại bị phạm sắc, Tuệ-quang biết mới làm thơ đưa để chế diễu. Tổ-giới xem thơ liền phát giận, rồi ngồi hóa ngay. Tuệ bảo với tăng chúng rằng : « Tổ giới sau này tái sinh làm hại Phật pháp chẳng nhỏ ta phải đi mới được », nói đoạn là vào tắm gội hóa đi ngay. Quả nhiên Tổ-giới đầu thai vào làm con nhà ông Tô - lão - Tuyên, đặt tên là Đông-phúc, sau đỗ Tiến-sĩ làm đến Hàn-lâm, còn Tổ Tuệ-quang thì đầu thai vào làm con nhà Ta-Lão, đặt tên là Nguyên, sau xuất-gia mới đặt là Phật - ấn, ở chùa Kim-sơn, sau ông Đông-pha ra làm quan ở Hàng-châu mới đề ngoài cửa thành năm chữ rằng : « Bát phong xuy bất động 八風吹不動 » (Tám chiều gió thổi chẳng dung chuyển) Phật ấn nghe thấy mới lên đến

đề hai chữ « phóng si 放尿 » (vẩy uái) ở dưới. Thế là năm chữ của Đông-pha, đã phải hai chữ của ngài Phật-ấn thôi đi rồi. Đông-pha có ý chưa chịu mới tìm đến chùa Kim-Sơn là nơi ngài Phật-ấn ở, đến nơi lại thấy ngoài cổng chùa có năm chữ đề nữa rằng : « Nhất si phóng tương lai 一尿放將來 » (một đái vẩy sắp lại). Đông-pha thấy đã phục Phật-ấn là bậc tiên tri, đến lúc vào, cùng nhau bàn-luận, thì quả lấy làm tâm đắc lắm, từ đấy hai ông lại chơi với nhau cũng thân mật như đời trước. Có một hôm Đông-pha vào cáo từ Phật-ấn để đi trị nhậm nơi khác, thì không may đến giữa lúc Phật-ấn tọa thuyền liền đi thẳng vào chỗ Phật-ấn đương tọa thuyền. Phật-ấn liền hỏi rằng : « Ngài lại đây làm gì ? ở đây không có chỗ ngồi ». Đông-pha mới nói đùa rằng : « Xin mượn tấm thân từ đại của Hòa-thượng làm tòa ngồi ». Phật-ấn nói : « Lão-tăng xin hỏi một câu, ngài phải đáp ngay, nếu mà không đáp được, thì phải bó đái ngọc lại ở đây, đề chấn sơn môn nhé, Đông-pha liền giở ngay đai để lên án mà rằng : « Xin Hòa-thượng nói ngay đi ». Phật-ấn hỏi : Lão-tăng bốn đại (địa, thủy, hỏa, phong) đã chẳng có, mà ngũ uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành, thức) cũng không, thì ngài ngồi vào đâu ? ». Đông-pha không thể đáp được, đành phải đề đái ngọc lại mà từ tạ ra về. Khi ông Đông-pha ra về có bài thơ từ tạ ngài Phật-ấn rằng :

病骨難堪玉帶圍 Bệnh cốt lam kham ngọc đới vi,
鈍根仍落箭鋒機 Độn căn nhưng lạc tiễn phong ky.
會當乞食歌姬院 Hội đương khát thực ca cơ viện,
換得雲山舊衲衣 Hoán đắc vân sơn cựu lộc y.

Dịch nghĩa

Cân đai khốn nổi đạo tâm suy,

Sịch mũi tên siêu đất nọc si.

Bữa trước đài ca nay biết hỏi.

Am mây, áo cũ đổi ra về.

Cứ như thiền ý tôi xuy nghĩ thì ông Đông-pha tuy không đáp được hết ý chỉ mầu nhiệm câu hỏi của ngài Phật-ấn thực, nhưng ngữ khí bài thơ này, thì cũng đã tả được hình dung câu hỏi ấy một tầm khá sâu. Sao vậy? Người đời khốn ở cái thân mệnh bốn đại và cái tâm bệnh năm uẩn nên không chứng được diệu đạo mà lại phải bị đày ải luân-hồi. nay ngài Phật-ấn chủ ý là bảo ông Đông-pha cho hết cái bệnh bốn đại, năm uẩn, tức là phá hết cái tính ngã mạn như ngày mới đến tri nhậm Hàng-châu, rồi sẽ bước vào đến cõi Bát-nhã chân trí. Mà ông Đông-pha cũng nhờ có nhiều công phu tu luyện trí tuệ đời trước, nên mới được nghe câu hỏi thuyên ngữ khí vị như vậy. Mà ông không đáp được là tại câu hỏi của ngài Phật-ấn, cũng như người thuận gió bắn tên, cao xa vô hạn mà chỗ hiệu của Tể Đông-pha cũng như người xem bắn, chỉ biết được cái tên kia nó đi xa hay hoặc lên cao, chứ chưa có thể biết đích là nó cao xa đến chỗ nào cả, Nên phải lấy bốn câu thơ mà tả như vậy. Như câu thơ thứ nhất là ông tả rõ đã phá được bốn đại, câu thứ hai là đã phá được năm uẩn; câu thứ ba là tả rõ cái lỗi kiếp trước ông làm Tể-Giới thuyên-sur phạm sắc, nên mới có sự lưu lạc phong trần ở hiệp này: câu thứ tư là tỏ rõ cái ý đã rũ hết được căn trần nghiệp thức, mà đem lại được tấm thân thanh tịnh sẽ được dợ vào giòng thánh, quả nhiên là bức văn chương diệu bộ phóng khoáng. miêu tả ra con tâm sạch sẽ không còn một điểm bụi trần nào vương vít như nhớp nữa. Như ông có chứng ngộ được như thế, mới chịu vui cười mà để câu đai lại chùa Kim-sơn, mà phụng lĩnh lấy mảnh áo tu và mũ của ngài Phật-ấn, ban cho mặc mà về, nếu không chứng ngộ được đến chỗ chân trí Bát-nhã là ở thánh không thêm, phạm không bớt, thì thử hỏi các ông công-khan phú quý ai dễ làm nổi địa vị như vậy?

cũng do ông có chứng ngộ đến thể, nên sau ông đi đâu ông cũng đeo tranh Phật Di-đà, có người hỏi : « Đeo đi làm gì ? » thì ông thung dung đáp rằng : « Đây là túi lương riêng của tôi đi về Cực-lạc vậy » Dĩ chí Trình phu nhân là mẹ vợ ông tạ thể, ông cũng cho đem các hoa xuyến của Phu-nhân bán lấy tiền mà thuê người HỒ tích tô vẽ tượng Di-Đà để chuy tiến cho Phu-nhân được siêu sinh Cực-lạc. Không những thế mà thôi, đến như ông Tô-lão-toàn là thân phụ ông, cũng tự xuất tiền nhà ra mà tạo sáu pho tượng Bồ-tát thờ ở chùa « Cực-Lạc » để chuy tiến cho Tổ tiên nội ngoại.

Vậy thời nhà họ Tô đã nhiều đời xứng thượng Phật Pháp mà càng tin ngưỡng mạng mẽ về phép tu tịnh-độ, chứ không phải chỉ có một mình ông Tô đông Pha là tổ Giới-thuyền sư tái sinh mới dốc chí cầu về Tây-phương Cực lạc như vậy đâu.

7. Thừa tướng Trương-thương-Anh

Trương thương Anh, là người xứ Tân-lân, đỗ Tiến-sĩ về triều vua Anh-tôn đời nhà Tống, làm quan đến bậc thừa-tướng, ông vốn là người bất tín Phật-pháp, nên một hôm có việc quan đi qua vào chùa nghỉ, thoạt trông lên thấy tượng pháp thờ phụng trang nghiêm, ông vội giận nói rằng : « Thế này ra đạo Khổng, Mạnh ta không bằng đạo của người Ấn-độ ư ? ! » Nói đoạn hăm hăm ra về đêm hôm ấy ông cầm bút ngồi ở văn phòng đã khuya; phu nhân mới hỏi : « Đêm khuya rồi Tướng công còn viết gì mà chưa đi nghỉ ? ! » ông nói : « Tôi đương nghĩ làm quyền luận Vô Phật đây » Phu nhân nói : « Đã không có Phật thì còn luận gì nữa mà làm ? ! » Ông nghe Phu nhân hỏi có lý sắc đáng, ngồi lặng yên không đáp, rồi đặt bút đi nghỉ . Kỳ sau lại vào chùa, thấy ở nhà Tổ có bộ kinh Duy ma Cát, mới cầm lấy mở xem. cũng là nhờ có cái đức linh giác của ngài Duy ma Cát cư-sĩ (Duy ma Cát cư-sĩ ở đời Phật Thích ca, ngài chính là bậc Bồ tát hiện thân cư-sĩ) giắt cho ông vào Phật pháp, nên vừa mở quyển

kinh xem thì trúng ngay vào câu. Tong si hữu ái, tắc ngã bệnh sinh (從癡有愛則我病生) ý nói cũng do từ cái si tình, rồi phát sinh ra mối ái tình, ấy cái bệnh của ta sinh ra từ đấy. Ông bị câu ấy đập vào con tim mạnh quá, nên cái nghi tâm của ông ngay bấy giờ cũng đã dảm đi nhiều, mới bạch cùng vị chủ chùa rằng: « Kinh này có nhiều ý vị sâu sa lắm, cho tôi mượn về xem có được không » ? « hay lắm ! được Tướng công cứ đem về mà xem » Ông đem kinh về xem. Phu-nhân lại hỏi: « Tướng công xem kinh gì thế » ? Đáp « Tôi đọc kinh Duy ma đây ». Phu nhân mỉm cười mà nói: « Tướng công đọc xong bộ kinh ấy rồi mới làm nổi luận Vô Phạt-Từ khi ông đọc đến bộ kinh này, thì tự phát ra tâm tinh tiến, thường ngày ngày hễ song việc quan là lại đi đến các chùa bái yết các vị danh Tăng rồi hỏi các nghĩa lý huyền diệu, thoát trước được ngài Chiêu giác Thuyền sư đem nghĩa diệu chỉ bình trực chỉ điềm, sau lại được ngài Đâu-xuất Hòa-thượng, đem một nghìn bảy trăm công án chỉ đếm, vì thế ông mới chóng chứng ngộ được diệu đạo, nên những khi ông bàn luận Phật pháp thì hoạt hoạt bát bát, tựa như người múa gươm giữa giời không ai địch rồi bấy giờ mới đem cái đạo lý của mình đã chứng ngộ, va viện dẫn sự lý cổ kim có điển cứ đích xác mà làm ra bộ Hộ-pháp luận đề đền công đức Phật tổ sau lại làm bài văn phát nguyện về Tây phương rằng :

« Ngâm thân thể lòng càng man mác,

Giặc trần-ô bạo ác hải hùng.

Đã không đạo lực chống cùng,

Lại không biết giặc ở lòng mà ra.

Tinh bản giác xóa nhòa mất cả,

Tâm chân như bị bả mê hồn.

Đạo không biết đến gốc nguồn,

Hỏi đường thoát khỏi nay còn tìm đâu ?

*Tuân Phật dạy pháp màu Tịnh-độ,
Niệm Di-đà cứu khổ mới xong.*

*Ngày đêm nên giốc một lòng,
Thờ trai, kính giới đốt vàng tâm hương.
Mong khi phá mộng trường thoát xác,
Có Di-đà đón rước hồn luôn,
Khác nào thuận gió xuôi buồm,
Quê nhà thẳng tới chẳng còn nhọc lo.»*

8. Vương-nhất-Hưu cư-sĩ.

Ông Vương nhất Hưu, người xứ Long Thư. Ông sinh vào đời nhà Tống. Tính ông nghiêm tĩnh và lão thông kinh sử, đỗ tiến-sĩ, làm quan quốc-tử giám tư nghiệp.

Nhất đán ông bỏ cả và nói rằng: « Những cái này đều là nhà nghề cả, phải là cái phép cùng tốt, ta phải tìm lối về bên Tây phương mới xong được ». Từ đó chăm chỉ niệm Phật. Tuổi đã sáu mươi mà áo vải cơm rau, ngày lễ hàng ngàn lễ, đêm khuya mới nghỉ. Ông làm ra bộ Long Thư-Tịnh-Độ và soạn lại các kinh, có công trong Phật đạo to lắm. Trước khi mất ba ngày ông đi từ hiệt tất cả thân bằng và nói rõ thì giờ quy tây. Đến kỳ ông vừa đọc sách xong, lên khóa lễ như thường đang niệm Phật bỗng thấy niệm tiếng rất lớn và nói to lên rằng : « Phật lại đón tôi rồi » dứt tiếng đứng yên mà hóa, y như cây gỗ giồng giữa giờ vậy. Nhiều người mộng thấy ông đi theo hai người áo xanh đưa về phương tây, từ đó nhiều nhà thờ ông lắm.

PHỤ NỮ NIỆM PHẬT CẦU SINH CỰC-LẠC

1. Hoàng-hậu Vi-đề-Hi

Kinh Quan-Vô-Lượng-Thọ Phật nói : Thái tử A-Sà-thế bắt phụ vương là Tần-Bà, đem giam để cướp ngôi vua mẫu thái tử là Vi-Đề-Hi Hoàng-hậu mới dẫu thức ăn đem đến dâng vua Tần-bà Thái-tử nghe biết nổi giận muốn bắt

mẹ đem giết, nhờ có quần thần can ngăn mới tha không giết nhưng lại đem giam vào ngục U-Thất. Hoàng hậu rất lấy làm lo sầu não về nỗi con bất hiếu ! Mà cũng không còn ai giải cứu cho khỏi nỗi thống khổ nữa, mới ân cần lễ Phật xin độ cho mai sau được sinh sang cõi thế giới nào mà không có những hạng tàn ác bạo ngược như con mình nữa. Bấy giờ Phật cũng cảm lòng cầu nguyện, mà phóng hào-quang soi khắp cả mười phương các cõi nước cho bà Vi-đề trông thấy, rồi tùy bà muốn sinh sang cõi nước nào, thì Phật sẽ dạy phép tu nguyện mà sinh sang. Bà Vi-đề trông thấy các cõi thế giới, rất lấy làm vui mừng, mà riêng ý thì chỉ muốn sinh sang thế giới Cực-lạc, mới bạch Phật rằng : Con xin phát nguyện sinh về Tây-phương Cực-lạc thế-giới mà Phật cũng khen ngợi pháp môn niệm Phật là chóng giải thoát, rồi Phật lại chỉ bảo cho bà chuyên tâm niệm Phật Di-đà, rồi sẽ được tùy nguyện mà sinh sang thế giới Tây-phương Cực-lạc :

2. Tùy Hoàng-hậu

Vợ vua Văn-đế nhà Tùy, là họ Độc-Cô, Hoàng-hậu tuy làm bậc mẫu nghi thiên hạ, hưởng hồng phúc tôn vinh là vị chánh cung Hoàng-hậu, nhưng vẫn chán ghét tấm thân hình hài ô uế nữ nhi, nên chỉ ân cần mong đổi được cái thân thân thanh-tịnh, vậy nên ngày đêm chỉ giốc lòng chuyên niệm Phật Di-đà đề cầu về Cực-lạc. Một hôm đương ngọa bệnh ở cung Vĩnh an, bỗng nghe trên hư không có tiếng đàn sáo xênh ca vang giời, và lại có mùi hương từ hư không đưa đến đầy cung ngào ngát. Mà chính vua Văn-Đế cũng nghe thấy như vậy, đêm ấy hỏi ông Đồ-Điền Tư-La. Ông đáp : « Tâu bệ hạ. Hoàng-hậu bình sinh thường chuyên niệm Phật Di-Đà, cầu sinh sang nước Cực-lạc, chắc nay Hoàng hậu sắp được sinh sang, nên Phật Di-đà lại tiếp dẫn lại có thêm chư thiên đem thiên nhạc thiên hương đến nghinh tiếp Hoàng hậu vậy.

3. Bà Hải-Hiền

Bà Hải-Hiền, tư bẩm tính chất thông minh trí tuệ hơn làng Châm thoa nhiều, khi bà còn nhỏ nhờ được công đức nghiêm phụ giáo huấn, nên kinh sử lão luyện lắm sau lấy ông Tổ phong-liệt-phủ, là nhà Triệu phú sinh con không nuôi được. Bà mới phát phiến về cuộc đời của bà phải chịu những sự đau khổ ô-uế mà kết quả không có chi là thực cả, bấy giờ tuy còn trẻ tuổi mà còn bỏ hết cả các đồ nữ trang quý báu và bỏ bớt những sự phiền phức gia-đình lại, ở riêng một căn nhà, nhất mực chuyên chú giữ mình trai giới, ngày ngày đốt hương tụng kinh Di-đà. Một hôm chiêm bao có một người đem bộ sách đến giao cho mà bảo rằng : « Bà nên đem bộ sách này thuê thợ khắc kinh, khắc xong sẽ đem ban phát cho thiên hạ thập phương, thì được vô lượng công đức ». Đến sáng quả nhiên có một vị tăng đi hành khất đến, mang bộ Quy-nguyên ra khuyến hóa bà thuê thợ khắc, bấy giờ đương lúc bà bị bệnh, liền cầu nguyện thầm rằng : « Cho con được mạnh khỏe, để con lo làm việc Hoảng-pháp, tới khi bệnh khỏi là bỏ tiền ra thuê thợ khắc bộ Quy-nguyên, theo đúng như nhờ thần mộng và vị tăng hành khất giáo hóa vậy, còn chuyện bà về Cực-lạc thì chưa thấy đâu chép, nhưng tâm địa thế, công đức thế, thì đức Di đà có bao giờ bỏ quên, mà không đưa về dự hội Liên-trì Cực-lạc ? !

4. Bà vợ ông Ôn-tĩnh-Văn

Bà vợ ông Ôn-tĩnh-Văn người ở châu Tĩnh sinh đời nhà Đường. Phải bệnh chiêm miên mãi không khỏi. Chồng khuyên nên chăm niệm A-di-đà Phật. Bà nghe lời giốc lòng niệm Phật hai năm trời không hề sao nhãng. Được thấy phong cảnh tịnh-độ bảo chồng rằng : « Tôi thấy Phật rồi đều tháng sau thế nào cũng được vãng sinh. Lại đem đồ ăn dâng biểu cha mẹ và thưa rằng : « Nay con được theo bóng thánh, vãng sinh sang Tây, giám xin thầy mẹ và chồng đều chăm niệm Phật, rồi đây sẽ được thấy

nhau ở chốn trời Tây ». Dứt lời thì tắt nghỉ, trước khi chết ba hôm còn thấy một đóa hoa sen to lớn bằng mặt giời.

5. Kinh Vương Phu nhân

Khoảng năm nguyên-hữu Kinh-vương phu-nhân cùng các cô hầu giốc lòng tu theo pháp môn Tịnh-độ, cô hầu biếng nhác trễ nải, phu nhân dầy la khuyên giải, cô hầu biết hối ngày càng tu thêm tinh tiến. Lâu lâu bảo người hầu khác rằng : « Tối hôm nay tôi được sinh sang Tây-phương Tịnh độ » Đêm ấy quả nhiên vô bệnh mà mất, mùi thơm sức nức cả nhà. Sáng ngày mai người hầu bạn nói với Phu-nhân rằng : « Tối qua tôi thấy chị hầu mới mất về nhờ tôi thưa với phu-nhân rằng . Chị ấy có lời kính thăm phu-nhân và cảm tạ ơn đức phu-nhân, đóc trách cho chị ấy tu pháp môn tịnh-độ, nay chị ấy được sang Tây-phương rồi, thực lấy làm cảm ơn phu-nhân vô hạn ». Phu-nhân nói : « Có cho ta cũng mơ thấy thì ta mới tin » Đêm hôm sau quả nhiên phu nhân lại mơ thấy cô hầu ấy. Phu nhân mới hỏi rằng : « Có thể cầu sang tây phương được không ? người nàng hầu thưa rằng : Được, xin bà cứ theo tôi mà đi. Phu nhân nghe nhời đi theo đến một chỗ, thấy trong ao hồ rộng lớn mống mênh hoa sen năm thứ, sanh, đỏ, trắng, vàng, đua nở xen nhau, có lớp thì tươi lớp thì héo, nhiều chỗ khác nhau. Phu-nhân hỏi : « Sao lại khác nhau như thế ? Người nàng hầu thưa rằng : Đó là bởi lòng cảm ứng của người thế gian phát tâm niệm Phật, cầu sinh cõi tây phương. Hễ ai niệm Phật một tiếng thì trong ao nở ra một đóa hoa sen. Nếu lòng nguyện ngày càng tinh tiến, thì đóa hoa sen ấy ngày càng tốt tươi, cho đến to lớn bằng cái bánh xe ; nếu lòng nguyện sụt lụi, thì đóa hoa sen ấy ngày càng héo úa, cho đến lặn rụng. Lại thấy người ngồi trên hoa sen áo bay phất phới, đầu đội mũ ngọc, mình mang chuỗi châu đẹp đẽ khác thường trang nghiêm oai vệ. Phu nhân hỏi vị nào thế, người nàng hầu nói : Vị ấy là ông Dương

Kiệt đó. Lại có một vị nữa cũng ngồi trên hoa sen, người nàng hầu trở và nói vị đó là ông Mã-vu. Phu-nhân hỏi: Thế thì ta được sinh vào chỗ nào? Người nàng hầu dẫn đi xa chừng hơn ba dặm xa xa trông thấy một cái đài bằng vàng bóng sáng lẫn với hào quang. Người nàng hầu nói: Đây là chỗ hóa sinh của phu nhân và là hạng nhất bậc trên kia đó. Phu nhân tỉnh dậy sai người đi dò xem ông Dương Kiệt thế nào thì ra ông ấy đã chết rồi. Mà ông Mã Vu thì hãy còn khỏe mạnh. Mới hay giốc lòng tỉnh tiến không lui, thì cái sắc tuy hãy còn ở cõi sa bà mà cái thần hồn đã chứng nơi tịnh-độ. Sau phu-nhân đến ngày sinh nhật thắp hương đốt trầm đứng trước khám Quán âm Bồ tát, con cháu đem lễ đến chúc thọ thì thấy phu nhân đã « hóa đứng » rồi.

6. Quán âm Huyện quân

Huyện Quân họ Ngô, chồng là Đồ-quân viên-ngoại ở làng Lã-Hoành cũng hiểu thấu lẽ Phật lắm. Vợ chồng đều trai giới tu trì thanh tịnh. Ngô-thị có hai tên hầu gái cũng ăn chay và gắng sức giúp chủ làm việc công đức. Một tên hơi thích thiên lý « nhận rõ cái thân là giả mà yên định cõi lòng », ốm nặng mà vẫn vui vẻ như không, lúc hấp hối còn cười cười nói nói, như thể lột xác vậy. Một tên thì chuyên giữ giới luật rất là khắc khổ có khi xuất tháng không ăn, ngày ngày chỉ uống một chén nước trong sạch cúng vị Quán âm mà thôi, một hôm bỗng thấy trên bàn chân tượng hiện đóa sen vàng, cách ba hôm thấy cả đầu gối, ba hôm nữa thấy rõ cả mặt mũi, giữa là đức A-di-đà, hai bên là Quán-âm và Thế-chí. Lại trông thấy cả đèn đài đất nước rõ ràng như thấy ở trong bàn tay, liền biết đích là nơi Tịnh-độ. Có người hỏi thì nói rằng ở bên ấy đều là đàn ông trong sạch cả không có người đàn bà nào. Lại hỏi: Phật ở bên ấy thuyết pháp thế nào? Thì nói rằng: Tôi mới tu được « thiên nhãn » (mắt sáng như trời) chưa được « thiên nhĩ » (tai thính như trời) cho nên

chỉ trông thấy người hỏi người đáp, người chỉ người nhìn, chứ không nghe thấy tiếng gì cả. Trong ba năm giờ lúc nào cũng thấy cái cảnh ở trước mắt như thế. Một ngày kia bỗng dưng phải cảm, tự nói rằng : Minh được vãng sinh Tịnh-độ, nói rồi liền chết, Ngô thị thờ vị Quán-âm linh cảm lắm. Thường để hai ba chục chum vai ở trong gian nhà sạch sẽ, đổ nước cho đầy, tay cầm cành dương liễu đọc thần chú tất thấy Quán-âm bồ tát phóng hào quang vào trong chum nước. Ai có bệnh nào đau đớn gì cứ uống nước ấy là khỏi. Nước đọc chú ấy rét đến đâu cũng không đóng cục, để đến mấy năm cũng không biến mùi. Vì thế nên đời gọi là Quán-âm Huyền-Quân.

7. Phùng thị Phu-nhân

Phu nhân tên là Pháp tín, là con gái quan Thiếu-sư Hứa Quân, lấy chồng là quan Nguyên sử Tần-tử-Cung thừa bé hay quặt queo, khi lấy chồng rồi lại càng lắm bệnh lắm, các thầy thuốc cho là bệnh chữa không được. Phu-nhân mới đến yết kiến sư cụ Từ thụ-Thâu thuyền sư, hỏi phép trừ bệnh. Sư cụ bảo cứ ăn chay niệm Phật là khỏi các bệnh, từ đó phu nhân không ăn qua một chút cá thịt nào nữa, chút sạch cả các đồ trang sức mặc áo dài tràng vạt, chăm chăm tu theo pháp-môn Tịnh-độ. Đi, đứng, nằm, ngồi khi nào cũng nghĩ tới cõi tây-phương thức, ngủ, uống, ăn không lúc nào chẳng nghĩ tưởng đến tây-phương. mức nước dâng hoa lòng cũng nghĩ tưởng tới tây-phương, tụng kinh hành đạo cũng nghĩ tới tây-phương. Một mối nghĩ thoảng qua, một điều thiện nhỏ mọn, nhất nhất đều cho là cái thuyền cái bè đưa mình sang cõi tây-phương. Trong mười năm trời, một mực như thế, không có biếng nhác một lúc nào mà tâm yên vóc mạnh, thần khí tốt đẹp, ai thấy cũng kính trọng. Một hôm bỗng viết bài kệ rằng :

Tùy duyên nhậm nghiệp hứa đa niên,
Uổng tác lão ngu vị cánh điền.
Đả điệp thân tâm tảo quy khứ,
Miễn giáo tị không thụ nhân xuyên.

Nghĩa là :

« Bao năm duyên nghiệp đọa đầy »,
Nhu trâu già những kéo cày cho ai.
Đẹp lòng sớm liệu về thôi,
Còn đâu dương mũi cho người sở ru.

Họ hàng thầy vậy đều lấy làm quái gở. Phu nhân nói : « Tôi sắp về Tây-phương rồi đây. có chi là gở ». Rồi thấy trong mình khó ở, hơi thở khô khè, bỗng ngồi nhồm dậy mà rằng : « Tinh-thần ta sang chơi Tịnh-độ, được vào lễ tận mặt đức Di-đà, Quan-âm, Thế-chí, đứng ở hai bên, ngoài ra lại thấy trăm nghìn thanh tịnh Phật tử (các người theo Phật chân chính) đều chúc mừng cho ta được sinh sang đây, còn như cung điện ao rừng sáng sủa lạ lùng y như trong kinh Hoa-nghiêm và kinh Thập-lục-quán nói : « Đến ngày sau phu nhân yên nhiên mà hóa người nhà đều ngửi thấy mùi thơm sức nước khác hẳn mùi thơm ở nhân gian.

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHEQUE NATIONALE DU VIETNAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM



THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHEQUE NATIONALE DU VIETNAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

de publier

des exemplaires



KINH SÁCH ĐÃ IN SONG

Kinh Địa Tạng (quốc ngữ chữ nho đối chiếu) toàn bộ 0\$80, đóng kỹ 1\$20, gáy da mạ vàng 1\$60	
Khóa lễ Ngũ Bách danh (quốc ngữ chữ nho đối chiếu) 0\$40 đóng kỹ 070)	
Khóa lễ xám nguyện (quốc ngữ chữ nho đối chiếu) 0\$30, đóng kỹ 0\$50	
Chiêu mộ nhị thời (khóa sáng và khóa tối) 0.80	
	đóng kỹ 1\$00 gáy da mạ vàng 1.50
Đại Bi tâm xám (chữ Đại bi kinh Cứu khổ)	0.10
Kinh Phả môn (chữ nho quốc ngữ đối chiếu)	0.20
Kinh phả môn (giải nghĩa)	0.10
Khóa lễ giản dị	0.10
48 Nguyện của đức A di đà (có giải nghĩa)	0.03
Đại bi thập chú	0.20
Khóa tụng hằng ngày (khóa tối)	0.10
Kinh nhật tụng đồng ấu (khổ nhỏ)	0 03
Phật học thiền thuyết	0 08
Long thư tịnh độ (in lần thứ 2) toàn tập	0.40
Tranh đức Di đà (in thủy mặc) hạng mỏng	0.06
	hạng giấy 0 15
Thập ân kinh	0.03
Tranh đại hùng tam tôn (khổ nhỏ)	0.05